CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/TLGroup V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group"	*Hòa Thuận, ngày 03 tháng 11 năm 2023*

Kính gửi: UBND huyện Châu Thành

Chúng tôi là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group là chủ cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc mục số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc dự án nhóm C *(cơ sở có vốn đầu tư 02 tỷ đồng thuộc nhóm công nghiệp khác thuộc điểm d Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công)* và căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Châu Thành *(cơ sở thuộc nhóm III thuộc số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Địa điểm thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group": số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phương, Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02943. 844 544.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

THANH LONG GROUP

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP"

Địa điểm: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Hòa Thuận, Tháng 11 /2023

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

THANH LONG GROUP

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP"

Địa điểm: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mỹ Phương

Hòa Thuận, Tháng 11 /2023

Phần 1.

XUẤT XỨ DỰ ÁN

Hiện tại việc thực hiện các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn mới, dân dụng trên địa bàn huyện Châu Thành nói riêng và của cả tỉnh Trà Vinh nói chung đang được triển khai. Theo đó, việc sử dụng vật liệu gạch lót vỉa hè trong quá trình xây dựng là rất cần thiết.

Thấy được tiềm năng này, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group đã quyết định đầu tư cơ sở Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group tại số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.; cơ sơ nằm trên khu đất có diện tích 740 m^2 tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty; cơ sở đã được đã được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023.

Phần 2

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

2.1. Sơ lược về cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group

- Địa điểm thực hiện: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2.2. Chủ đầu tư

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group

- Địa chỉ văn phòng: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phương, Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02943. 844 544.

2.3. Hình thức đầu tư

- Loại hình: vật liệu xây dựng (gạch lót vỉa hè, ngói lợp nhà)

- Hình thức đầu tư: đầu tư mới

- Ngành nghề kinh doanh: vật liệu xây dựng, cơ sở đã được đã được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023.

2.4. Mục tiêu của cơ sở

- Mang lại lợi nhuận cho chủ cơ sở.

- Thu hút nguồn nhân lực và tạo công ăn việc làm cho người dân lao động ở địa phương;

- Sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng (gạch lót vỉa hè, ngói lợp nhà).

- Đóng góp cho nguồn thu ngân sách địa phương góp phần phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

2.5. Quy trình hoạt động

Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở như sau:

Hình 1. Quy trình sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất gồm 06 công đoạn thực hiện theo thứ tự như sau:

a. Công đoạn 1. Trộn nguyên liệu

Gạch gồm 2 lớp là lớp cốt và lớp bề mặt (lớp men màu).

- Nguyên liệu lớp cốt bao gồm: mạt đá, xi măng, nước được công nhân định lượng vào gàu tải rồi đưa lên máy trộn. Hỗn hợp nguyên liệu sau khi trộn

đều sẽ được xả vào các xe để vận chuyển ra vị trí máy tạo hình. Cùng lúc đó là trộn nguyên liệu lớp bề mặt.

- Nguyên liệu lớp bề mặt bao gồm: đá hạt, cát, bột đá, xi măng, bột màu, nước,...được công nhân đưa vào máy trộn. Các nguyên liệu được trộn đều, tạo thành một hỗn hợp dạng sệt. Sau đó, hỗn hợp được xả vào các xe để vận chuyển ra vị trí máy tạo hình.

b. Công đoạn 2. Đưa nguyên liệu vào khuôn

Hỗn hợp nguyên liệu lớp bề mặt và lớp cốt được công nhân đưa vào khuôn. Nguyên liệu lớp bề mặt được đưa vào trước và nguyên liệu lớp cốt sau, tạo thành 2 lớp riêng biệt.

c. Công đoạn 3. Tạo hình

Máy tạo hình sử dụng lực ép thuỷ lực lớn để định hình viên gạch, ngói trong khuôn và đóng rắn viên gạch, ngói. Sau khi ép tạo hình, viên gạch, ngói được máy tự động tách ra khỏi khuôn và được công nhân xếp lên giá.

d. Công đoạn 4. Bảo dưỡng

Tuỳ theo điều kiện khí hậu và đặc điểm yêu cầu của sản phẩm gạch, ngói mà thực hiện bảo dưỡng tự nhiên trong 72h hoặc dưỡng hộ trong phòng hơi nước trong 24h, trước khi chuyển tới công đoạn mài.

đ. Công đoạn 5. Mài

Sau quá trình dưỡng hộ, gạch, ngói được đưa vào máy mài để mài phẳng. Sau đó, gạch, ngói được công nhân xếp thành kiện, quấn đai rồi mang ra bãi dưỡng (tối thiểu 15 ngày).

e. Công đoạn 6. Xuất sản phẩm

Sau quá trình dưỡng 15 ngày có thể xuất bán sản phẩm ra thị trường.

2.6. Công suất sản xuất:

Cơ sở thực hiện sản xuất và cung cấp gạch lót vỉa hè (gạch terazo), ngói lợp nhà. Quy mô công suất hoạt động trung bình khoảng 4.000 viên gạch,

ngói/ngày.

Thông tin về sản phẩm của cơ sơ: Gạch vỉa hè thành phẩm (gạch terazo ngoại thất, 02 lớp, loại I).

- Đã được cấp Chứng nhận sản phẩm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 7744:2013 - Gạch terazo tại Chứng chỉ số 230823.PRO.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Đã được cấp Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Chứng chỉ số 230823.QMS.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

2.7. Diện tích cơ sở:

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" trên phạm vi 740 m^2 tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty.

2.8. Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu

a. Nguyên liệu

Nguyên liệu chính sử dụng hàng ngày cho quy trình sản xuất bao gồm: Đá (10 m^3), bột đá (500 kg), cát (1m^3), xi măng (10 bao,50kg/bao), bột màu (25kg),

Nguồn cung cấp chủ yếu từ các đại lý, cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng khu vực xung quanh cơ sở.

b. Nhiên liệu

Hoạt động của cơ sở chủ yếu sử dụng nhiên liệu xăng cho phương tiện xe nâng, với khối lượng sử dụng khoảng 300 lít/tháng. Nguồn nhiên liệu sử dụng: cửa hàng kinh doanh xăng dầu khu vực xung quanh cơ sở trên Quốc lộ 53.

c. Phế liệu

Cơ sở không sử dụng phế liệu cho hoạt động sản xuất.

d. Điện năng, nước, hóa chất sử dụng

- Sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất (chủ yếu là máy trộn, máy tạo hình, máy mài) và thắp sáng; khối lượng sử dụng khoảng 1.500 kWh/tháng (điện 03 pha); nguồn cung cấp: Trạm quản lý Điện nông thôn huyện Châu Thành

- Sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của công nhân (vệ sinh tay chân, đi vệ sinh) và phối trộn nguyên liệu sản xuất; khối lượng sử dụng khoảng 150 m^3/tháng; nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

- Ngoài bột màu là nguyên liệu sản xuất (khối lượng sử dụng 25 kg/ngày). Cơ sở không sử dụng hóa chất khác cho hoạt động sản xuất.

2.9. Nguồn vốn thực hiện: Tổng vốn đầu tư của cơ sở khoảng 02 tỷ đồng. Nguồn vốn tự có của Công ty.

2.10. Nhu cầu lao động:12 lao động.

PHẦN 3.

CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG PHÁT SINH VÀ GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa mái nhà (thu gom qua máng xối) + nước mưa sân đường → chảy tràn trên bề mặt → thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, đảm bảo không để chảy tràn qua nhà dân kế bên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt (từ hoạt động đi vệ sinh, nước giặt giũ quần áo, nước rửa tay) và được thu gom xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → hầm tự hoại (01 hầm tự hoại, 04 m^3/hầm) → thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án.

1.3. Xử lý nước thải

Quy trình xử lý nước thải tại hầm tự hoại như sau :

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của công nhân sẽ được thu gom về hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý (01 hầm tự hoại, 4 m^3/hầm). Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn. Cấu tạo bên trong của hầm tự hoại gồm có 3 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng và ngăn lọc. Vai trò của từng ngăn như sau:

Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải.

- Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như đá, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Hầm tự hoại được vận hành theo công nghệ xử lý sinh học yếm khí nên trong quá trình sử dụng cơ sở đã áp dụng thực hiện:

- Lắp đặt ống thoát các chất khí sinh ra (H_2S, CO_2, CH_4) tránh ăn mòn, phá hoại cấu kiện bê tông, cốt thép trong bể. Ống thoát khí được lựa chọn là ống nhựa uPVC Φ90;

- Không sử dụng các hóa chất (chất tẩy rửa, Chlorine) cho vào bể tự hoại sẽ làm chết hệ vi sinh yếm khí có trong bể, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý;

- Khi bể tự hoại đầy chất lắng đọng thì sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút ra ngoài.

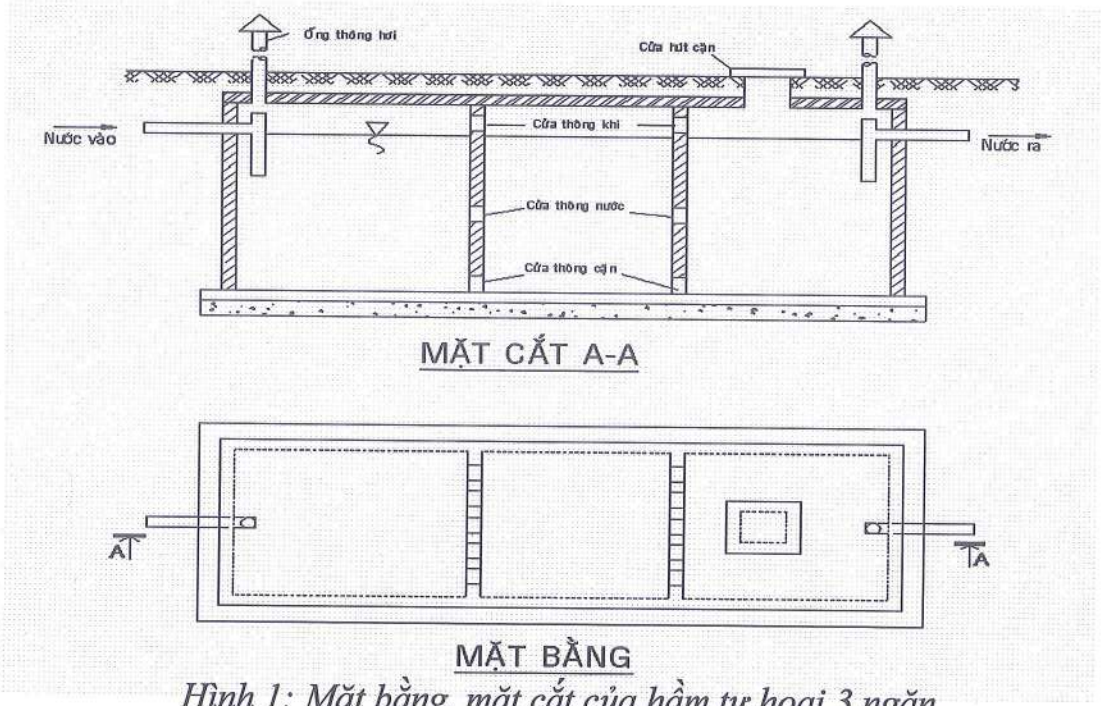

Hình 1: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn

Nước thải sau hầm tự hoại sẽ thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, không xả trực tiếp ra môi trường tiếp nhận.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Máy móc hoạt động chủ yếu sử dụng điện nên hạn chế bụi, khí thải phát sinh (bao gồm máy trộn, máy tạo hình, máy mài).

Bố trí khu vực nhà xưởng che chắn bằng tôl nên giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất ra môi trường xung quanh.

Công nhân làm việc được bố trí bảo hộ lao động để bảo vệ, chống bụi (khẩu trang).

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 05 kg/ngày; bố trí 04 thùng chứa (loại 30 lít) để thu gom và hợp đồng đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chủ yếu là bao bì chứa nguyên liệu): phát sinh khoảng 20 kg/tháng; thu gom, bố trí 01 khu vực để tập kết trong nhà xưởng (có mái che), định kỳ hàng tháng sẽ bán phế liệu.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Tại cơ sở, máy móc cho hoạt động sản xuất của cơ sở sử dụng điện năng; chỉ sử dụng dầu nhớt cho phương tiện vận chuyển (xe nâng), tuy nhiên hoạt động thay thế dầu nhớt thực hiện tại các cơ sở sửa chữa và không phát sinh dầu nhớt thải tại cơ sơ. Tại cơ sở phát sinh bóng đèn thải, pin thải với khối lượng khoảng 1,5kg/năm.

Cơ sở sẽ thực hiện bố trí 02 thùng chứa riêng và lưu trữ. Cụ thể: 01 thùng nhựa 30 lít chứa bóng đèn thải và 01 thùng nhựa 30 lít chứa pin thải. Định kỳ cuối năm sẽ hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ Máy móc được bố trí đệm, gối kê nhằm hạn chế tiếng ồn khi vận hành.

+ Định kỳ hàng tháng thực hiện bôi trơn máy móc bằng dầu bôi trơn để hạn chế ma sát phát sinh tiếng ồn từ động cơ.

+ ***Nhà xưởng bố trí vách tôn che chắn kín.***

+ ***Đảm bảo*** thời gian hoạt động của cơ sở vào ban ngày; không hoạt động vào ban đêm và buổi trưa ***(giờ nghỉ ngơi).***

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Loại hình cơ sở có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ do hoạt động sử dụng điện năng cho các máy móc. Cơ sở trang bị 04 bình chữa cháy cầm tay để phòng ngừa sự cố.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không có.

Phần 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Việc thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" góp phần vào việc tạo thu nhập cho Công ty, người lao động và cung cấp vật liệu xây dựng (gạch lót vỉa hè, ngói lợp nhà) cho địa phương; đã được Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên cơ sở hoạt động phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương.

4.2 Kiến nghị

Hoạt động của cơ sở phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Trong quá trình hoạt động, cơ sở rất cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, cơ quan ban ngành các cấp trong việc hướng dẫn thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kinh doanh, sản xuất của cơ sở.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2100682878-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP
H. CHÂU THÀNH - T.TRÀ VINH

Nguyễn Thị Mỹ Phương

PHỤ LỤC

- Mặt bằng tổng thể cơ sở

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Chứng nhận sản phẩm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 7744:2013 - Gạch terazo tại Chứng chỉ số 230823.PRO.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Chứng chỉ số 230823.QMS.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Giấy tờ về đất đai của cơ sở.

MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ

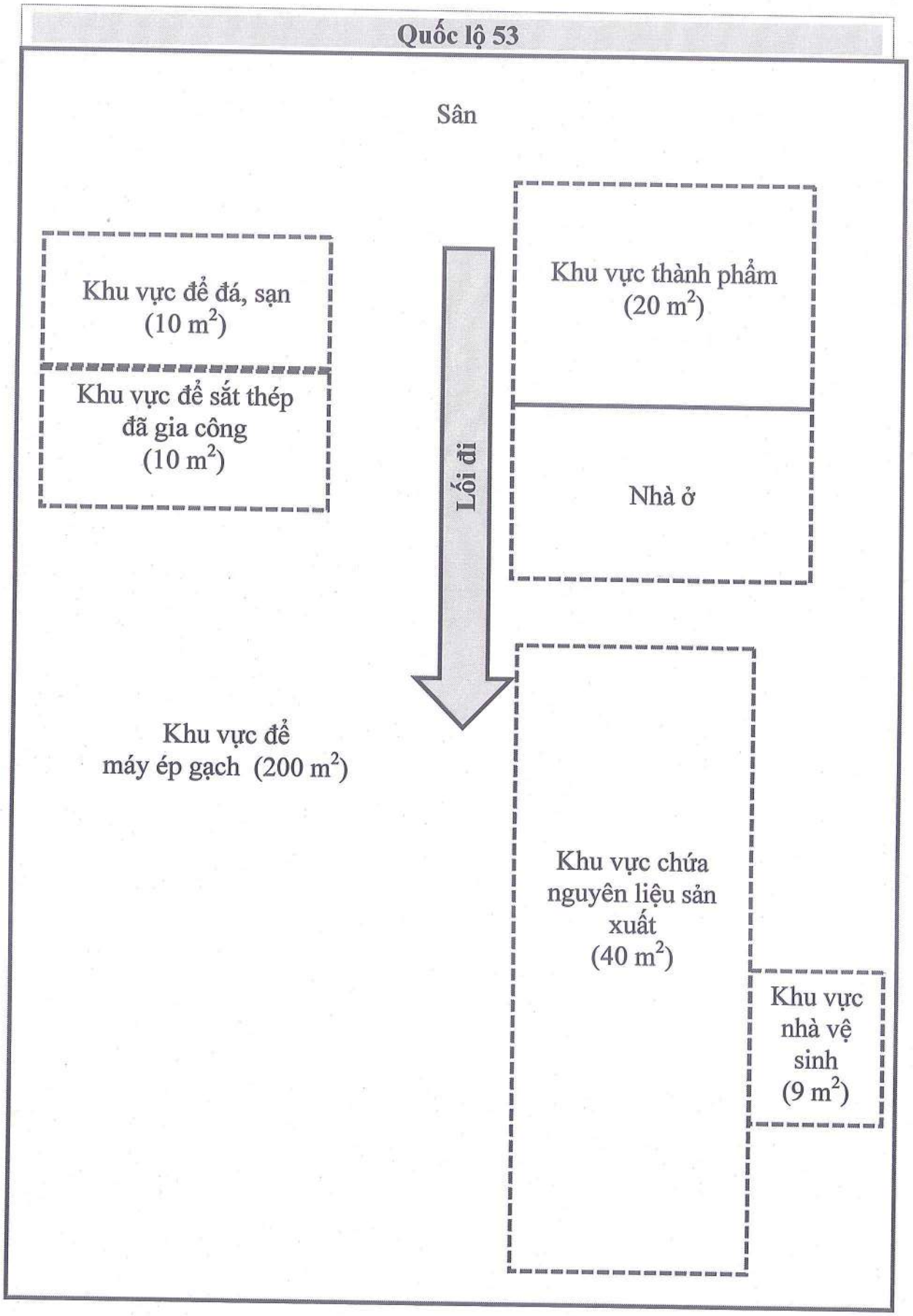

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100682818

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 05 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *0294 3844544* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *15/05/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084179012709*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *15/05/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084179012709*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Lê Thanh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 14 tháng 09 năm 2023

Số:

5853/23

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Trà Vinh*
Địa chỉ trụ sở: *số 25, Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*
Điện thoại: *0294 3867 107* Fax:
Email: *phongdkkdskhdttv@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2100682818

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán các loại tủ, bàn, ghế, đồ điện, điện gia dụng, điện tử, bếp gas. Gia công các loại tủ, bàn, ghế,...	4649(Chính)
2	In ấn Chi tiết: In quảng cáo	1811
3	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn tĩnh điện	4330
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế xây dựng	7110
5	Sản xuất giày, dép Chi tiết: sản xuất gia công giày thể thao, giày lưu hóa, giày da, hàng dụng cụ thể thao, các loại thành phẩm, bán thành phẩm liên quan đến sản phẩm trên để xuất khẩu và tiêu thụ, phân phối, làm thử mẫu, sản xuất thử mẫu giày	1520
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi Nhà nước cho phép)	0810
7	Xây dựng nhà để ở	4101
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động dò mìn và nổ mìn)	4312
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)	7410
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, gạch lót vỉa hè, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Sản xuất gạch: gạch xây dựng, gạch lót vỉa hè	4663
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
16	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
18	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
19	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Gạch Terrazzo (Gạch: lát vỉa hè, con sâu, lục giác,…); ngói, đá hoa cương, đá lát tường, gạch không nung, tấm, thanh, đế vỉa, ống… (Loại trừ sản xuất xi măng và vữa chịu lửa; không hoạt động tại trụ sở).	2395
21	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Không hoạt động tại trụ sở)	2396

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP. Địa chỉ:Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Đặng Văn Nhân.....

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thanh Tuấn

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA/ *THIS IS TO CERTIFY THAT QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF:*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

THANH LONG GROUP TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ *ADDRESS:*

Trụ sở/ *Office:* Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *No. 140, Da Can Hamlet, Hoa Thuan Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam*

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:* Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *National Highway 60, Phu Phong 1 Hamlet, Binh Phu Commune, Cang Long District, Tra Vinh Province, Vietnam*

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/
HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHO PHẠM VI/ *FOR SCOPE:*

Sản xuất và cung cấp gạch Terazo./.

Producing and supplying Terazo tiles./.

VICAS số/ *VICAS No.:*	022-QMS
Chứng chỉ số/ *Certification No.:*	230823.QMS.CN23
Ngày cấp/ *Issued date:*	25/09/2023
Hiệu lực đến ngày/ *Expired date:*	24/09/2026

M.S.D.N: 0105169275 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN THANH TÙNG
GIÁM ĐỐC/ *DIRECTOR*

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ *This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY
Trụ sở: C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Website: chungnhanquocte.vn Email: cert@chungnhanquocte.vn

Được công nhận bởi BOA - www.boa.gov.vn
Accreditation by BOA - www.boa.gov.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
****

Số: 230823.QMS.CN23/QĐCN-ICB

Hà Nội, Ngày 25 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận hệ thống quản lý

****

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Căn cứ vào Quy định về đánh giá HTQL của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);

- Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chứng nhận:

a) Đơn vị:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

b) Địa chỉ:

Trụ sở: Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

c) Có Hệ Thống Quản Lý được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

d) Cho phạm vi:

Sản xuất và cung cấp gạch Terazo./.

Điều 2: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận HTQL phù hợp tiêu chuẩn chứng nhận nêu tại Mục c của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận HTQL đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức./.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực trong vòng 03 năm kể từ ngày quyết định này được ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

NGUYỄN THANH TÙNG

ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/ *CERTIFY PRODUCTS:*

Gạch Terazo (chi tiết tại quyết định)./.

Terrazzo bricks (Detail at decision)./.

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/ *PRODUCED IN:*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

THANH LONG GROUP TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ *ADDRESS*:

Trụ sở/ *Office:* Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *No. 140, Da Can Hamlet, Hoa Thuan Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam*

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:* Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *National Highway 60, Phu Phong 1 Hamlet, Binh Phu Commune, Cang Long District, Tra Vinh Province, Vietnam*

PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/ *APPROVED WITH REQUIREMENTS OF STANDARD:*

TCVN 7744:2013

Và được phép sử dụng dấu hiệu hợp chuẩn sau đây trực tiếp trên sản phẩm hoặc bao bì chứa đựng sản phẩm/ *Have right to use the below conformity standard logo on products or product packaging./.*

CERTIFICATION OF PRODUCT
TCVN 7744:2013

Phương thức chứng nhận/ *Method certification* :	**05 (Thông tư 28/2012/TT-BKHCN)**
Chứng chỉ số/ *Certification No.*:	**230823.PRO.CN23**
Ngày cấp/ *Issued date*:	**25/09/2023**
Ngày hết hạn/ *Expired date*:	**24/09/2026**

Đại diện ICB/ *On behalf of ICB*
GIÁM ĐỐC/ *DIRECTOR*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

NGUYỄN THANH TÙNG

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu sản phẩm của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ *This certificate will lapse if the customer's product does not pass the surveillance of ICB ./.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY
Trụ sở: C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Website: chungnhanquocte.vn Email: cert@chungnhanquocte.vn

CERTIFICATION OF PRODUCT

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

Số: 230823.PRO.CN23/QĐCN-ICB

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm hàng hóa
****

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

- *Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*
- *Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*
- *Căn cứ vào Quy định về đánh giá sản phẩm của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);*
- *Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn số: 230823.PRO.CN23 ngày 25 tháng 09 năm 2023 cho:

a. Có sản phẩm hàng hóa sau đây phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá: TCVN 7744: 2013

STT	TÊN SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	GHI CHÚ
1.	Gạch Terazo ngoại thất, 2 lớp, loại I	Kích thước: 400x400x30 mm	
2.		Kích thước: 300x300x50 mm	

b. Đơn vị:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

c. Địa chỉ:

Trụ sở: Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

d. Đánh giá theo phương thức 5 của Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ban hành ngày 12/12/2012.

Điều 2: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận sản phẩm sự phù hợp trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Mục a của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY
ICB-VESH
CERTIFICATION OF PRODUCT
TCVN 7744:2013

Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận sản phẩm đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức.

Điều 5: Giấy chứng nhận hợp chuẩn và dấu hợp chuẩn có hiệu lực từ ngày 25/09/2023 đến ngày 24/09/2026./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT.

M.S.D.N: 0105169275 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH TÙNG

C.T.C.P ... HÀ NỘI

có thẩm quyền

"Kèm theo GCN này
có trang bổ sung số 07"

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xoá hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

29377120189 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: HÀ THANH LONG
Năm sinh: 1973, CMND số: 290525647
Địa chỉ thường trú: ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG
Năm sinh: 1979, CMND số: 334065333
Địa chỉ thường trú: ấp Bà Bảy, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

BH 392894

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 126 , tờ bản đồ số: 6

b) Địa chỉ: ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

c) Diện tích: 740 m^2, (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 740 m^2; chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 60,0 m^2, - Đất trồng cây lâu năm 680,0 m^2

e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 23/12/2045

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 60.0m^2
Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất:680.0m^2

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 446.0m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông
Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

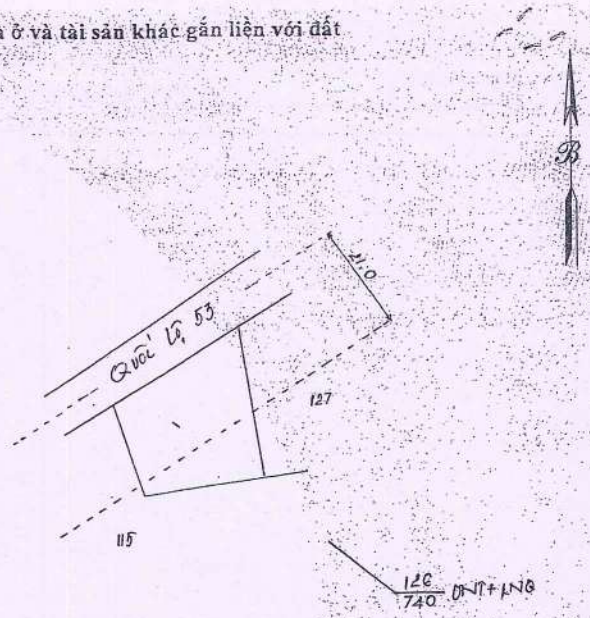

Tỷ lệ : 1/1000

Châu Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02232

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung về địa chỉ thường trú của chủ sử dụng có sai sót được đính chính là: **ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh,** theo hồ sơ số 29377.026372.SN.VP.	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 19/9/2013 Vàng Thu Hà

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
THANH LONG GROUP

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP"

Hòa Thuận, tháng 11 năm 2023

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
THANH LONG GROUP

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP"

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2100682818-C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP
H. CHÂU THÀNH - T. TRÀ VINH

Nguyễn Thị Mỹ Phương

Hòa Thuận, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 4
1. Tên chủ cơ sở: 4
2. Tên cơ sở: 4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 5
3.3. Sản phẩm của cơ sở 5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 7
4.1. Nguyên liệu 7
4.2. Nhiên liệu 7
4.3. Phế liệu 8
4.4. Điện năng, nước, hóa chất sử dụng 8
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 8
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 9
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có) 9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có) . 10
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 13
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 13
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 13
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 13
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 14
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): 14
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 15
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 15
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): 15
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 15
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 16

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 16
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 16
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo 16
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 19
1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 19
2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 19
3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở 20
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:. 20
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 21
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 22
PHỤ LỤC BÁO CÁO 23

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn 12
Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực cơ sở 16
Bảng 2. Kết quả quan trắc nước thải tại điểm thoát ra cống thoát chung 17

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group

- Địa chỉ văn phòng: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phương, Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02943. 844 544.

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023.

2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group

- Địa điểm cơ sở: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Đông: giáp nhà dân

+ Phía Tây: giáp nhà dân

+ Phía Nam: giáp nhà dân

+ Phía Bắc: giáp Quốc lộ 53

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có): Không có (cơ sở không thuộc đối tượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; không có giấy phép môi trường thành phần).

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc dự án nhóm C

(cơ sở có vốn đầu tư 02 tỷ đồng thuộc nhóm công nghiệp khác thuộc điểm d Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công) và căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Châu Thành *(cơ sở thuộc nhóm III thuộc số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở thực hiện sản xuất và cung cấp gạch lót vỉa hè (gạch terazo), ngói lợp nhà. Quy mô công suất hoạt động trung bình khoảng 4.000 viên gạch, ngói/ngày.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở như sau:

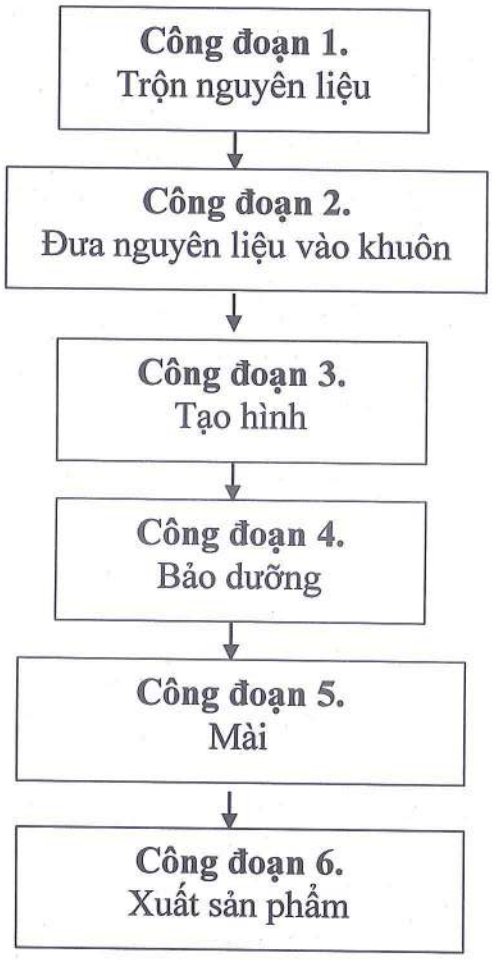

Hình 1. Quy trình sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất gồm 06 công đoạn thực hiện theo thứ tự như sau:

a. Công đoạn 1. Trộn nguyên liệu

Gạch gồm 2 lớp là lớp cốt và lớp bề mặt (lớp men màu).

- Nguyên liệu lớp cốt bao gồm: mạt đá, xi măng, nước được công nhân định lượng vào gàu tải rồi đưa lên máy trộn. Hỗn hợp nguyên liệu sau khi trộn đều sẽ được xả vào các xe để vận chuyển ra vị trí máy tạo hình. Cùng lúc đó là trộn nguyên liệu lớp bề mặt.

- Nguyên liệu lớp bề mặt bao gồm: đá hạt, cát, bột đá, xi măng, bột màu, nước,...được công nhân đưa vào máy trộn. Các nguyên liệu được trộn đều, tạo thành một hỗn hợp dạng sệt. Sau đó, hỗn hợp được xả vào các xe để vận chuyển ra vị trí máy tạo hình.

b. Công đoạn 2. Đưa nguyên liệu vào khuôn

Hỗn hợp nguyên liệu lớp bề mặt và lớp cốt được công nhân đưa vào khuôn. Nguyên liệu lớp bề mặt được đưa vào trước và nguyên liệu lớp cốt sau, tạo thành 2 lớp riêng biệt.

c. Công đoạn 3. Tạo hình

Máy tạo hình sử dụng lực ép thuỷ lực lớn để định hình viên gạch, ngói trong khuôn và đóng rắn viên gạch, ngói. Sau khi ép tạo hình, viên gạch, ngói được máy tự động tách ra khỏi khuôn và được công nhân xếp lên giá.

d. Công đoạn 4. Bảo dưỡng

Tuỳ theo điều kiện khí hậu và đặc điểm yêu cầu của sản phẩm gạch, ngói mà thực hiện bảo dưỡng tự nhiên trong 72h hoặc dưỡng hộ trong phòng hơi nước trong 24h, trước khi chuyển tới công đoạn mài.

đ. Công đoạn 5. Mài

Sau quá trình dưỡng hộ, gạch, ngói được đưa vào máy mài để mài phẳng. Sau đó, gạch, ngói được công nhân xếp thành kiện, quấn đai rồi mang ra bãi dưỡng (tối thiểu 15 ngày).

e. Công đoạn 6. Xuất sản phẩm

Sau quá trình dưỡng 15 ngày có thể xuất bán sản phẩm ra thị trường.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Ngói lợp nhà, gạch vỉa hè thành phẩm (gạch terazo ngoại thất, 02 lớp, loại I).

Thông tin về sản phẩm của cơ sơ:

- Đã được cấp Chứng nhận sản phẩm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 7744:2013 - Gạch terazo tại Chứng chỉ số 230823.PRO.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Đã được cấp Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Chứng chỉ số 230823.QMS.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu

Nguyên liệu chính sử dụng hàng ngày cho quy trình sản xuất bao gồm: Đá (10 m^3), bột đá (500 kg), cát (1m^3), xi măng (10 bao,50kg/bao), bột màu (25kg),

Nguồn cung cấp chủ yếu từ các đại lý, cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng khu vực xung quanh cơ sở.

4.2. Nhiên liệu

Hoạt động của cơ sở chủ yếu sử dụng nhiên liệu xăng cho phương tiện xe nâng, với khối lượng sử dụng khoảng 300 lít/tháng. Nguồn nhiên liệu sử dụng: cửa hàng kinh doanh xăng dầu khu vực xung quanh cơ sở trên Quốc lộ 53.

4.3. Phế liệu

Cơ sở không sử dụng phế liệu cho hoạt động sản xuất.

4.4. Điện năng, nước, hóa chất sử dụng

- Sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất (chủ yếu là máy trộn, máy tạo hình, máy mài) và thắp sáng; khối lượng sử dụng khoảng 1.500 kWh/tháng (điện 03 pha); nguồn cung cấp: Trạm quản lý Điện nông thôn huyện Châu Thành

- Sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của công nhân (vệ sinh tay chân, đi vệ sinh) và phối trộn nguyên liệu sản xuất; khối lượng sử dụng khoảng 150 m^3/tháng; nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

- Ngoài bột màu là nguyên liệu sản xuất (khối lượng sử dụng 25 kg/ngày). Cơ sở không sử dụng hóa chất khác cho hoạt động sản xuất.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Cơ sở bắt đầu hoạt động từ 01/10/2023.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020. Thời điểm hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa hoàn thành và công bố.

- Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023. Theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg thì có nội dung:

+ Mục tiêu tổng quát là đến 2030 Trà Vinh là tỉnh phát triển ở mức trung bình cao, nằm trong nhóm đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; có kinh tế biển phát triển, thích ứng với biến đổi khí hậu; các giá trị văn hóa của các dân tộc được bảo tồn và phát huy; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Theo Quy hoạch, về công nghiệp: Phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường gắn với lợi thế kinh tế biển.

Cơ sở thực hiện sản xuất ngói lợp nhà, gạch vỉa hè phục vụ hoạt động xây dựng hạ tầng, sản phẩm sản xuất phù hợp và đã được chứng nhận chất lượng, chứng nhận quản lý chất lượng *(Chứng nhận sản phẩm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 7744:2013 - Gạch terazo tại Chứng chỉ số 230823.PRO.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày*

25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026; Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Chứng chỉ số 230823.QMS.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026) nên việc thực hiện cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của cơ quan quản lý nhà nước.

Ngoài ra, cơ sở xét thấy việc thực hiện phù hợp về đầu tư kinh doanh và địa điểm thực hiện, cụ thể:

Loại hình cơ sơ đã được cơ quan quản lý đầu tư chứng nhận (Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023).

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" trên phạm vi 740 m^2 tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt (12 công nhân, không lưu trú tại cơ sở) với lưu lượng thấp khoảng 0,5 m^3/ngày, được xử lý qua hầm tự hoại (định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học) và thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, không xả trực tiếp ra môi trường tiếp nhận

Cơ sở không phát sinh nước thải xả thải ra môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa mái nhà (thu gom qua máng xối) + nước mưa sân đường → chảy tràn trên bề mặt → thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, đảm bảo không để chảy tràn qua nhà dân kế bên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt (từ hoạt động đi vệ sinh, nước giặt giũ quần áo, nước rửa tay) và được thu gom xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → hầm tự hoại (01 hầm tự hoại, 04 m^3/hầm) → thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án.

1.3. Xử lý nước thải

Quy trình xử lý nước thải tại hầm tự hoại như sau :

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của công nhân sẽ được thu gom về hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý (01 hầm tự hoại, 4 m^3/hầm). Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn. Cấu tạo bên trong của hầm tự hoại gồm có 3 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng và ngăn lọc. Vai trò của từng ngăn như sau:

Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phần bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải.

- Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như đá, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Hầm tự hoại được vận hành theo công nghệ xử lý sinh học yếm khí nên trong quá trình sử dụng cơ sở đã áp dụng thực hiện:

- Lắp đặt ống thoát các chất khí sinh ra (H_2S, CO_2, CH_4) tránh ăn mòn, phá hoại cấu kiện bê tông, cốt thép trong bể. Ống thoát khí được lựa chọn là ống nhựa uPVC Φ90;

- Không sử dụng các hóa chất (chất tẩy rửa, Chlorine) cho vào bể tự hoại sẽ làm chết hệ vi sinh yếm khí có trong bể, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý;

- Khi bể tự hoại đầy chất lắng đọng thì sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút ra ngoài.

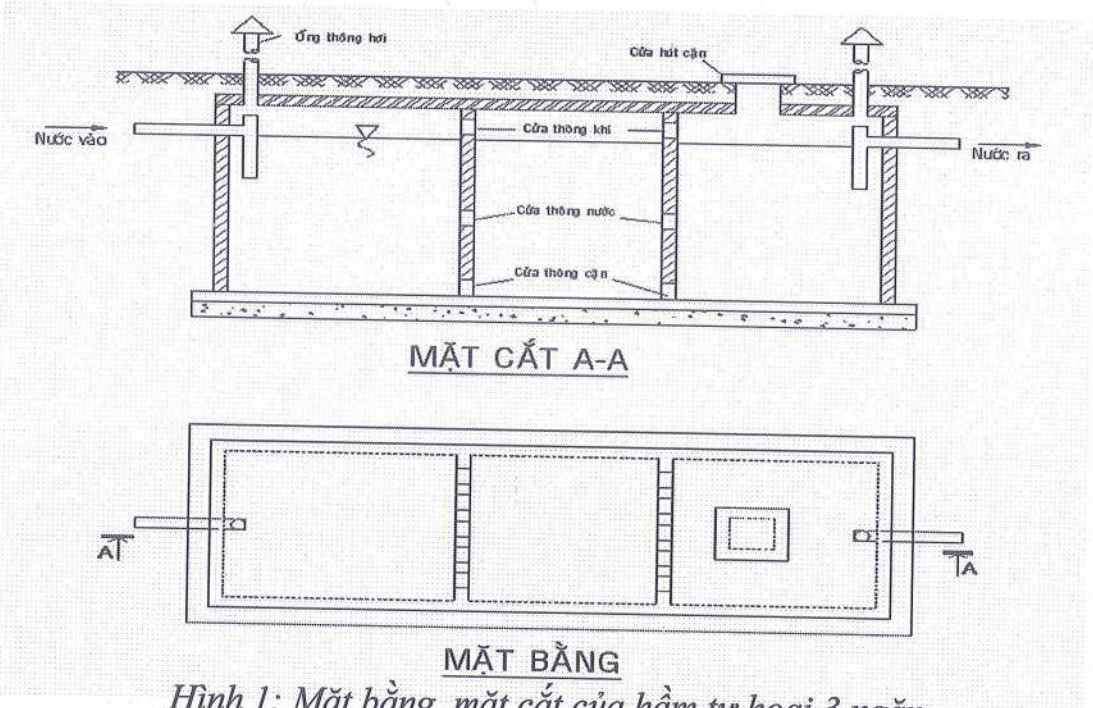

Hình 1: Mặt bằng, mặt cắt của hầm tự hoại 3 ngăn

Nước thải sau hầm tự hoại sẽ thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, không xả trực tiếp ra môi trường tiếp nhận.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Máy móc hoạt động chủ yếu sử dụng điện nên hạn chế bụi, khí thải phát sinh (bao gồm máy trộn, máy tạo hình, máy mài).

Bố trí khu vực nhà xưởng che chắn bằng tôl nên giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất ra môi trường xung quanh.

Công nhân làm việc được bố trí bảo hộ lao động để bảo vệ, chống bụi (khẩu trang).

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 05 kg/ngày; bố trí 04 thùng chứa (loại 30 lít) để thu gom và hợp đồng đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chủ yếu là bao bì chứa nguyên liệu): phát sinh khoảng 20 kg/tháng; thu gom, bố trí 01 khu vực để tập kết trong nhà xưởng (có mái che), định kỳ hàng tháng sẽ bán phế liệu.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Tại cơ sở, máy móc cho hoạt động sản xuất của cơ sở sử dụng điện năng; chỉ sử dụng dầu nhớt cho phương tiện vận chuyển (xe nâng), tuy nhiên hoạt động thay thế dầu nhớt thực hiện tại các cơ sở sửa chữa và không phát sinh dầu nhớt thải tại cơ sơ. Tại cơ sở phát sinh bóng đèn thải, pin thải với khối lượng khoảng 1,5kg/năm.

Cơ sở sẽ thực hiện bố trí 02 thùng chứa riêng và lưu trữ. Cụ thể: 01 thùng nhựa 30 lít chứa bóng đèn thải và 01 thùng nhựa 30 lít chứa pin thải. Định kỳ cuối năm sẽ hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ Máy móc được bố trí đệm, gối kê nhằm hạn chế tiếng ồn khi vận hành.

+ Định kỳ hàng tháng thực hiện bôi trơn máy móc bằng dầu bôi trơn để hạn chế ma sát phát sinh tiếng ồn từ động cơ.

+ Nhà xưởng bố trí vách tôn che chắn kín.

+ Đảm bảo thời gian hoạt động của cơ sở vào ban ngày; không hoạt động vào ban đêm và buổi trưa (giờ nghỉ ngơi).

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Loại hình cơ sở có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ do hoạt động sử dụng điện năng cho các máy móc. Cơ sở trang bị 04 bình chữa cháy cầm tay để phòng ngừa sự cố.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không có.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng thấp (0,5 m^3/ngày.đêm), được xử lý như sau: nước thải sinh hoạt –> hầm tự hoại (01 hầm tự hoại, 04 m^3/hầm, định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học) → thoát về cống thoát chung trên Quốc lộ 53 phía trước dự án, không xả trực tiếp ra môi trường tiếp nhận

Do đó, cơ sở không đề xuất nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Cơ sở chỉ sử dụng máy móc sử dụng điện cho hoạt động sản xuất (bao gồm máy trộn, máy tạo hình, máy mài), chỉ sử dụng xe nâng cho hoạt động vận chuyển nội bộ nên cơ sở không phát sinh nguồn thải điểm từ khí thải.

Do đó, cơ sở không đề xuất nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: từ máy móc sản xuất và phương tiện vận chuyển (ra- vào, đậu đỗ tại cơ sở).

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

+ Đối với khu vực ngoài cơ sở (tiếp giáp xung quanh): QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Đối với khu vực trong cơ sở (nhà xưởng sản xuất): QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở mới bắt đầu hoạt động từ ngày 01/10/2023 nên không có số liệu quan trắc về nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Loại hình của cơ sở không phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cơ sở đã phối hợp với đơn vị quan trắc thực hiện lấy mẫu nước tại điểm thoát ra cống thoát chung và mẫu không khí khu vực cơ sở vào ngày 05/10/2023, cụ thể như sau:

3.1. Thông tin về đơn vị quan trắc

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt

- Địa điểm: 48/2A, Bình Hòa 13, Khu phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Chứng nhận: đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đơn vị đủ chức năng quan trắc môi trường (VIMCERTS 286).

a. Kết quả quan trắc mẫu không khí

Bảng 1. Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	67,6	70*
2	Bụi lơ lửng tổng số	$\mu g/m^3$	210	300
3	NO_2	$\mu g/m^3$	58	200
4	SO_2	$\mu g/m^3$	61	350
5	CO	$\mu g/m^3$	5.440	30.000
6	NH_3	$\mu g/m^3$	KPH	200
7	H_2S	$\mu g/m^3$	KPH	42

(Nguồn: Phiếu kết quả phân tích số 2310.05/KQTN-04)

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí.

- "": QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.*

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực sân sản xuất của cơ sở

Nhận xét: Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép quy chuẩn quy định (QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT). Loại hình dự án không phát sinh khí thải nên môi trường không khí khu vực cơ sở khá tốt, không bị tác động từ hoạt động sản xuất của cơ sở. Do đó có thể khẳng định, trong quá trình hoạt động thời gian qua, cơ sở không phát sinh nguồn thải gây ảnh hưởng môi trường xung quanh. Vì vậy, trong thời gian tới cơ sở sẽ tiếp tục duy trì các giải pháp đang thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b. Kết quả quan trắc nước thải tại điểm thoát ra cống thoát chung

Bảng 2. Kết quả quan trắc nước thải tại điểm thoát ra cống thoát chung

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B, K=1,2

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B, K=1,2
1	pH	-	6,55	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	23	120
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	22	60
4	Amoni (NH_4^+)	mg/L	2,01	12
5	Phosphat (PO_4^{3-} – P)(1)	mg/L	1,01	12
6	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$2,4x10^3$	5.000

(Nguồn: Phiếu kết quả phân tích số 2310.05/KQTN-04)

Ghi chú

- "-" : Không đơn vị.

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia nước thải sinh hoạt; Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ); K=1,2 (Cơ sở dưới 500 người).

- Vị trí lấy mẫu: tại điểm thoát ra cống thoát chung phía trước dự án trên Quốc lộ 53.

Nhận xét: Kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại thoát ra cống chung phía trước dự án nằm trong giới hạn quy định của QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K=1,2. Như vậy việc thực hiện công trình hầm tự hoại 03 ngăn đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy định. Do đó, trong thời gian tới cơ sở sẽ tiếp tục duy trì các giải pháp đang thực hiện (hầm tự hoại 03 ngăn, bổ sung chế phẩm sinh học) nhằm đảm bảo hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường, đặc điểm công trình bảo vệ môi trường của cơ sở là hầm tự hoại (thoát ra cống chung, không xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận) và quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động của cơ sở cụ thể như sau:

1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

1.1. Chương trình quan trắc môi trường nước thải định kỳ

Thực hiện quan trắc nước thải sinh hoạt đầu ra định kỳ (sau hầm tự hoại) như sau:

- Số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu.

- Vị trí: tại điểm thoát ra cống thoát chung phía trước dự án trên Quốc lộ 53.

- Thông số: pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5), Amoni (NH_4^+), Phosphat (PO_4^{3-}_ P), Tổng Coliform.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia nước thải sinh hoạt; Cột B; K=1,2.

1.2. Chương trình quan trắc môi trường khí thải định kỳ

Loại hình của cơ sở không phát sinh khí thải từ hoạt động sản xuất.

Do đó, cơ sở không đề xuất chương trình quan trắc môi trường khí thải định kỳ.

2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn.

- Số lượng mẫu quan trắc: 02 mẫu

- Vị trí: 02 vị trí

+ 01 mẫu tại vị trí phía trước khu vực cơ sở tiếp giáp Quốc lộ 53.

+ 01 mẫu tại vị trí tiếp giáp nhà dân.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng tổng số, NO_2, SO_2, CO.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: dự kiến khoảng 02 triệu đồng/năm.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cơ sở chỉ mới bắt đầu hoạt động từ ngày 01/10/2023 và cơ sở khẩn trương thực hiện thủ tục Giấy phép môi trường. Đến thời điểm hiện tại, cơ sở chưa vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Qua nội dung thực hiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đã nêu.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại: đảm bảo thực hiện thu gom, phân loại riêng, bố trí thiết bị lưu chứa và hợp đồng đơn vị chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

+ Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý qua hầm tự hoại, ao vườn và không xả ra môi trường.

+ Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ cơ sở đến các khu vực xung quanh đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

+ Cam kết đảm bảo phòng ngừa phòng cháy, chữa cháy.

+ Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường liên quan khi có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Mặt bằng tổng thể cơ sở

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Chứng nhận sản phẩm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn TCVN 7744:2013 - Gạch terazo tại Chứng chỉ số 230823.PRO.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Chứng chỉ số 230823.QMS.CN23 do Công ty Cổ phần chứng nhận Quốc tế cấp ngày 25/9/2023, ngày hết hạn 24/9/2026.

- Giấy tờ về đất đai của cơ sở.

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.

MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ

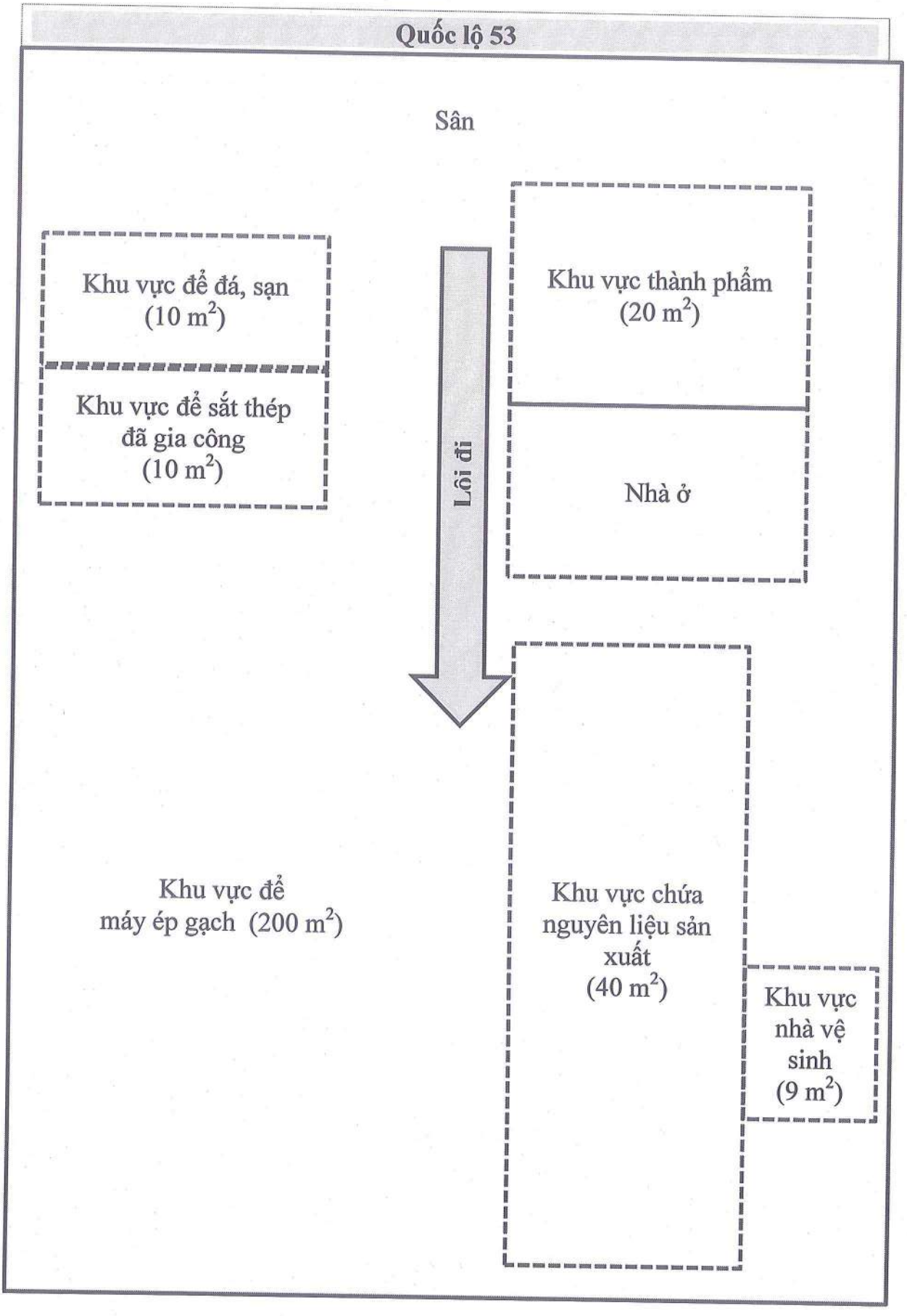

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100682818

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 05 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *0294 3844544* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *15/05/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084179012709*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *15/05/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084179012709*

Ngày cấp: *22/11/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Lê Thanh Tuấn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 14 tháng 09 năm 2023

Số:

5853/23

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Trà Vinh*
Địa chỉ trụ sở: *số 25, Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*
Điện thoại: *0294 3867 107* Fax:
Email: *phongdkkdskhdttv@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2100682818

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán các loại tủ, bàn, ghế, đồ điện, điện gia dụng, điện tử, bếp gas. Gia công các loại tủ, bàn, ghế,...	4649(Chính)
2	In ấn Chi tiết: In quảng cáo	1811
3	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Sơn tĩnh điện	4330
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế xây dựng	7110
5	Sản xuất giày, dép Chi tiết: sản xuất gia công giày thể thao, giày lưu hóa, giày da, hàng dụng cụ thể thao, các loại thành phẩm, bán thành phẩm liên quan đến sản phẩm trên để xuất khẩu và tiêu thụ, phân phối, làm thử mẫu, sản xuất thử mẫu giày	1520
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi Nhà nước cho phép)	0810
7	Xây dựng nhà để ở	4101
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động dò mìn và nổ mìn)	4312
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)	7410
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, gạch lót vỉa hè, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Sản xuất gạch: gạch xây dựng, gạch lót vỉa hè	4663
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
16	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
18	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
19	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Gạch Terrazzo (Gạch: lát vỉa hè, con sâu, lục giác,…); ngói, đá hoa cương, đá lát tường, gạch không nung, tấm, thanh, đế vỉa, ống… (Loại trừ sản xuất xi măng và vữa chịu lửa; không hoạt động tại trụ sở).	2395
21	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Không hoạt động tại trụ sở)	2396

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP. Địa chỉ:Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Đặng Văn Nhân.....

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Thanh Tuấn

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA/ *THIS IS TO CERTIFY THAT QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF:*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

THANH LONG GROUP TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ *ADDRESS:*

Trụ sở/ *Office:* Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *No. 140, Da Can Hamlet, Hoa Thuan Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam*

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:* Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *National Highway 60, Phu Phong 1 Hamlet, Binh Phu Commune, Cang Long District, Tra Vinh Province, Vietnam*

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/

HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHO PHẠM VI/ *FOR SCOPE:*

Sản xuất và cung cấp gạch Terazo./.

Producing and supplying Terazo tiles./.

VICAS số/ *VICAS No.:*	**022-QMS**
Chứng chỉ số/ *Certification No.:*	**230823.QMS.CN23**
Ngày cấp/ *Issued date:*	**25/09/2023**
Hiệu lực đến ngày/ *Expired date:*	**24/09/2026**

M.S.D.N: 0105169275 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC/ *DIRECTOR*

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ *This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY
Trụ sở: C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Website: chungnhanquocte.vn Email: cert@chungnhanquocte.vn

Được công nhận bởi BOA - www.boa.gov.vn
Accreditation by BOA - www.boa.gov.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
****

Số: 230823.QMS.CN23/QĐCN-ICB

Hà Nội, Ngày 25 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận hệ thống quản lý

****

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Căn cứ vào Quy định về đánh giá HTQL của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);

- Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chứng nhận:

a) Đơn vị:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

b) Địa chỉ:

Trụ sở: Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

c) Có Hệ Thống Quản Lý được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

d) Cho phạm vi:

Sản xuất và cung cấp gạch Terazo./.

Điều 2: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận HTQL phù hợp tiêu chuẩn chứng nhận nêu tại Mục c của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận HTQL đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức./.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực trong vòng 03 năm kể từ ngày quyết định này được ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

NGUYỄN THANH TÙNG

ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB • ICB

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/ *CERTIFY PRODUCTS:*

Gạch Terazo (chi tiết tại quyết định)./.

Terrazzo bricks (Detail at decision)./.

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI/ *PRODUCED IN:*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

THANH LONG GROUP TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

ĐỊA CHỈ/ *ADDRESS*:

Trụ sở/ *Office:* Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *No. 140, Da Can Hamlet, Hoa Thuan Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province, Vietnam*

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:* Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam/ *National Highway 60, Phu Phong 1 Hamlet, Binh Phu Commune, Cang Long District, Tra Vinh Province, Vietnam*

PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/ *APPROVED WITH REQUIREMENTS OF STANDARD:*

TCVN 7744:2013

Và được phép sử dụng dấu hiệu hợp chuẩn sau đây trực tiếp trên sản phẩm hoặc bao bì chứa đựng sản phẩm/ *Have right to use the below conformity standard logo on products or product packaging./.*

CERTIFICATION OF PRODUCT
TCVN 7744:2013

Phương thức chứng nhận/ *Method certification* :	**05 (Thông tư 28/2012/TT-BKHCN)**
Chứng chỉ số/ *Certification No.*:	**230823.PRO.CN23**
Ngày cấp/ *Issued date*:	**25/09/2023**
Ngày hết hạn/ *Expired date*:	**24/09/2026**

Đại diện ICB/ *On behalf of ICB*
GIÁM ĐỐC/ *DIRECTOR*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

NGUYỄN THANH TÙNG

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu sản phẩm của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ *This certificate will lapse if the customer's product does not pass the surveillance of ICB ./.*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY
Trụ sở: C9, Lô 8, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Website: chungnhanquocte.vn Email: cert@chungnhanquocte.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

Số: 230823.PRO.CN23/QĐCN-ICB

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm hàng hóa
****

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ

- *Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*
- *Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*
- *Căn cứ vào Quy định về đánh giá sản phẩm của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);*
- *Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn số: 230823.PRO.CN23 ngày 25 tháng 09 năm 2023 cho:

a. Có sản phẩm hàng hóa sau đây phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá: TCVN 7744: 2013

STT	TÊN SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	GHI CHÚ
1.	Gạch Terazo ngoại thất, 2 lớp, loại I	Kích thước: 400x400x30 mm	
2.		Kích thước: 300x300x50 mm	

b. Đơn vị:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

c. Địa chỉ:

Trụ sở: Số 140, Ấp Đa Cần, Xã Hòa Thuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 60, Ấp Phú Phong 1, Xã Bình Phú, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

d. Đánh giá theo phương thức 5 của Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ban hành ngày 12/12/2012.

Điều 2: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận sản phẩm sự phù hợp trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Mục a của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

ICB-VESH

CERTIFICATION OF PRODUCT

TCVN 7744:2013

Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận sản phẩm đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức.

Điều 5: Giấy chứng nhận hợp chuẩn và dấu hợp chuẩn có hiệu lực từ ngày 25/09/2023 đến ngày 24/09/2026./.

Nơi nhận:
- Như điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0105169275 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN THANH TÙNG

có thẩm quyền

"Kèm theo GCN này có trang bổ sung số 07"

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

293771201891 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: HÀ THANH LONG
Năm sinh: 1973, CMND số: 290525647
Địa chỉ thường trú: ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà: NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG
Năm sinh: 1979, CMND số: 334065333
Địa chỉ thường trú: ấp Bà Bảy, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

BH 392894

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 126 , tờ bản đồ số: 6

b) Địa chỉ: ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

c) Diện tích: 740 m^2, (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 740 m^2; chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 60,0 m^2, - Đất trồng cây lâu năm 680,0 m^2

e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 23/12/2045

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 60.0m^2
Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất:680.0m^2

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 446.0m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông
Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

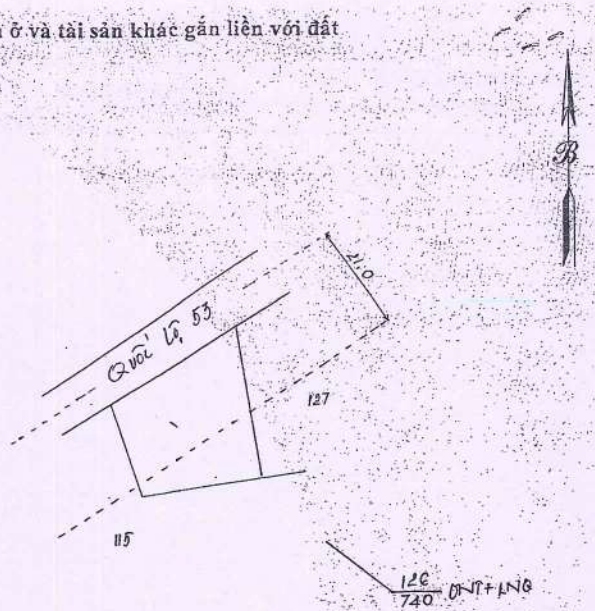

Tỷ lệ : 1/1000

Châu Thành, ngày 12 tháng 9 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02232

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung về địa chỉ thường trú của chủ sử dụng có sai sót được đính chính là: **ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh,** theo hồ sơ số 29377.026372.SN.VP.	19/9/2013 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Vàng Thu Hà

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A, Bình Hòa 13, khu phố Bình Đáng, P. Bình Hoà, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3662529 Hotline: 0915 830 220
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Trà Vinh, Ngày 5 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Số: .....

1 Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP
2 Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ THANH LONG GROUP
3 Địa chỉ: Số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
4 Người đại diện:
5 Thời gian bắt đầu lấy mẫu: 11h00
6 Ghi chép hiện trường: Trời nắng, nhà máy hoạt động bình thường
7 Phương pháp lấy mẫu:

Hướng dẫn lấy mẫu:

Không khí			
Đo tại hiện trường			
□ Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	□ Tiếng ồn	TCVN 7878-2: 2010
□ Ánh sáng	TCVN 5176: 1990	□ Độ rung	TCVN 6963: 2001
Lấy mẫu			
□ Bụi	TCVN 5067:1995	□ NH_3	TCVN 5293: 1995
□ NO_2	TCVN 6137:2009	□ VOC	NIOSH Method 1501
□ SO_2	TCVN 5971: 1995	□ THC	NIOSH Method 1500
□ CO	HD42.LM.CO.KK	□ O_3	MASA Method 411
□ Bụi chì	TCVN 5067: 1995	□ H_2S	MASA method 701
Nước			
Đo tại hiện trường			
□ Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510 B:2017	□ DO	TCVN 7325: 2016
□ Nhiệt độ	SMEWW 2550B: 2017	□ TDS	HD36.DO.TDS&EC. Nuoc
□ pH	TCVN 6492: 2011	□ Độ đục	SMEWW 2130 B:2017
Lấy mẫu			
□ Nước thải.	TCVN 5999: 1995; TCVN 6663 – 1: 2011; TCVN6663-3:2016		
□ Nước mặt	TCVN 6663-6:2018, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016		
□ Nước mưa	TCVN 5997:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016		
□ Nước ngầm	TCVN 6663 – 1: 2011; TCVN6663-11:2011; TCVN6663-3:2016		
□ Nước biển	TCVN 5998: 1995, TCVN 6663 – 1: 2011, TCVN6663-3:2016		
Khí thải			
□ NO_2	HD.CV.02	□ CO	HD.CV.02
□ SO_2	HD.CV.02	□ NO	HD.CV.02
□ O_2	HD.CV.02	□ Áp suất	HD.CV.02
□ Nhiệt độ	HD.CV.02		
Chất rắn			
□ Đất	TCVN 4046:1985, TCVN 7538:2005	□ Chất thải rắn	TCVN 9466: 2012
□ Bùn thải	TCVN 6663 – 3: 2015 & TCVN 6663 – 15: 2004	□ Trầm tích	TCVN 6663 – 3: 2015 & TCVN 6663 – 15: 2004
Sinh vật			
□Phiêu sinh	SMEWW 10200: 2017		
□ Vi sinh vật	TCVN 8880:2011		
Khác			

8. Nội dung lấy mẫu:

Stt	KH mẫu	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	SL	Chỉ tiêu	Note
1.	KK01	Không khí khu vực sân	1	Tiếng ồn, bụi, NO_2, SO_2, CO, NH_3, H_2S	
2.	NT01	Nước tại vị trí cống thoát của dự án	1	pH, TSS, BOD, NH_4^+, PO_4^{3-}, Coliform	
3.					
4.					

9. Thời gian kết thúc lấy mẫu: .....

10. Ghi chú khác: .....

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu	**Đơn vị được lấy mẫu**	**Đơn vị lấy mẫu**
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 2310.05/KQTN-04

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

12/10/2023

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP
2. **Địa điểm lấy mẫu** : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP
3. **Địa chỉ** : Số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
4. **Ngày lấy mẫu** : 05/10/2023
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Không khí
7. **Kết quả đo đạc, phân tích :**

Vị trí đo	Tiếng ồn(1) dBA	Bụi(1) (mg/m^3)	NO_2(1) (mg/m^3)	SO_2(1) (mg/m^3)	CO(1) (mg/m^3)	NH_3(1) (mg/m^3)	H_2S(1) (mg/m^3)
Không khí khu vực sân	67,6	0,21	0,058	0,061	5,44	KPH	KPH
QCVN 26 :2010/BTNMT	**≤ 70**	-	-	-	-	-	-
QCVN 05: 2023/BTNMT	-	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,2**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV. 03	TCVN 5293:1995	MASA 701:1989

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN	NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2310.05/KQTN-04 12/10/2023

1 Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP

2 Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÓT VỈA HÈ VÀ NGÓI LỢP NHÀ THANH LONG GROUP

3 Địa chỉ : Số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

4 Ngày lấy mẫu : 05/10/2023

5 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

6 Loại mẫu : Nước thải

7 Ký hiệu và mô tả mẫu : 2310.05NT04: Nước tại vị trí cống thoát của dự án

8 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

9 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả 2310.05 NT04	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
1.	pH(1)	-	6,55	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS(1)	mg/L	23	50	TCVN 6625:2000
3.	BOD_5(1)	mg/L	22	30	TCVN 6001–1:2008
4.	Amoni (NH_4^+_N)(1)	mg/L	2,01	5	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Phosphat (PO_4^{3-}_P)(1)	mg/L	1,01	-	SMEWW 4500-P.D:2017
6.	Tổng Coliform(1)	MPN /100mL	$2,4x10^3$	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915620 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận

4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.

5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 286

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 286

(Cấp lần: 01)

Tên tổ chức: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt.

Địa chỉ trụ sở chính: 48/2A đường Bình Hòa 13, Khu Phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Quyết định số: *1559* /QĐ-BTNMT ngày *09* tháng *8* năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền. Chức vụ: Giám đốc

Chứng minh nhân dân số: 250802735

Nơi cấp: Công an tỉnh Lâm Đồng

Ngày cấp: 13 tháng 02 năm 2007

Thời hạn của Giấy chứng nhận:

Từ ngày *09* tháng *8* năm 2021

Đến ngày *08* tháng *8* năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 04 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
2. Khí:		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 11 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Khí thải:		Đo tại hiện trường: 04 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	24 thông số
- Nước thải:	21 thông số
- Nước dưới đất:	21 thông số
- Nước biển:	13 thông số
- Nước mưa:	09 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	08 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1559 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc

môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt"**, địa chỉ tại 48/2A đường Bình Hòa 13, Khu Phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **286/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 286**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (12).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510 B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDCV.01	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 1000 NTU

HDCV.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước mặt	TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1: 2011, TCVN 5994: 1995

1.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	2,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	1,0 mg/L
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
4	Nhu cầu Oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3,2 mg/L
5	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001–1:2008	1,3 mg/L

6	Amoni (NH_4^+_N)	TCVN 6179 – 1:1996	0,01 mg/L
7	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
8	Florua (F^-)	SMEWW 4500F^-.B&D:2017	0,07 mg/L
9	Nitrit (NO_2^-_N)	SMEWW 4500 NO_2^-.B:2017	0,005 mg/L
10	Nitrat (NO_3^-_N)	SMEWW 4500NO_3^-.E:2017	0,01 mg/L
11	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E:2017	2,0 mg/L
12	Phôtphat (PO_4^{3-}_P)	SMEWW 4500P D:2017	0,03 mg/L
13	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500Cr.B:2017	0,003 mg/L
14	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,016 mg/L
15	Tổng Phốtpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&D:2017	0,03mg/L
16	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
17	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S^{2-}. B&D:2017	0,03 mg/L
18	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520 B:2017	0,3 mg/L
19	Tổng Nitơ (TN)	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
20	Xyanua (CN^-)	TCVN 6181:1996	0,007 mg/L
21	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	5,0 mg/L
22	Magie (Mg)	TCVN 6224:1996 + TCVN 6198 : 1996	5,0 mg/L
23	Coliform	TCVN 6187 – 2:1996	3MPN/100mL
24	Ecoli	TCVN 6187 – 2:1996	3MPN/100mL

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510 B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
4	Tổng chất rắn hòa tan TDS)	HDCV.01	0 ÷ 1.999 mg/L

HDCV.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016; TCVN8880:2011

1.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	2,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,2 mg/L
4	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 600 –1:2008	1,3 mg/L
5	Amoni (NH_4^+_N)	TCVN 6179 –1:1996	0,01 mg/l
6	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
7	Tổng Phốtpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&D:2017	0,03 mg/L
8	Nitrit (NO_2^-_N)	SMEWW 4500NO_2^- B:2017	0,005 mg/L
9	Nitrat (NO_3^-_N)	SMEWW 4500NO_3^-. E:2017	0,01 mg/L
10	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	SMEWW 4500P.D:2017	0,03 mg/L
11	Clo dư	TCVN 6225 – 3:2011	0,2 mg/L
12	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
13	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500Cr.B:2017	0,003 mg/L
14	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,016 mg/L
15	Florua (F^-)	SMEWW 4500 F^-B&D:2017	0,07 mg/L
16	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500S^{2-}. B&D:2017	0,03 mg/L
17	Xianua (CN^-)	TCVN 6181:1996	0,007 mg/L
18	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
19	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
20	Coliform	TCVN 6187-2:1996	3MPN/100mL
21	E.coli	TCVN 618 -2 : 1996	3MPN/100mL

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017	2 ÷ 12
2	pH	TCVN 6492:2011	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510 B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDCV.01	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	SMEWW 2130 B:2017	0 ÷ 1000 NTU

HDCV.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016; TCVN8880:2011

1.3.2. Phân tích môi trường:

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	2,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	1,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L
5	Nhu cầu Oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,2 mg/L
6	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,3 mg/L
7	Chỉ số permanganate	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
8	Amoni (NH_4^+_N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/l
9	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	SMEWW 4500P.D:2017	0,03 mg/L
10	Nitrit (NO_2^-_N)	SMEWW 4500NO_2^-.B:2017	0,005 mg/L

11	Nitrat (NO_3^-_N)	SMEWW 4500NO_3^-. E:2017	0,01 mg/L
12	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500SO_4^{2-}.E:2017	2,0 mg/L
13	Florua (F^-)	SMEWW 4500 F^-B&D:2017	0,07 mg/L
14	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L
15	Sulfua (S^{2-})	SMEWW 4500S^{2-}.B&D:2017	0,03 mg/L
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,016 mg/L
17	Mangan (Mn)	SMEWW 3500Mn.B:2017	0,08 mg/L
18	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500 Cr.B:2017	0,003 mg/L
19	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520 B:2017	0,3 mg/L
20	Coliform	TCVN 6187- 2:1996	3MPN/100mL
21	Ecoli	TCVN 6187-2:1996	3MPN/100mL

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017	2 ÷ 12
2	pH	TCVN 6492:2011	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510 B:2017	0 ÷ 100 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDCV.01	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 1000 NTU

HDCV.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước biển	TCVN 5998:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016; TCVN8880:2011

1.4.2. Phân tích môi trường (áp dụng cho nước biển ven bờ):

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,0 mg/L

2	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,3 mg/L
3	Amoni (NH_4^+_N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/l
4	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	SMEWW 4500P.D:2017	0,03 mg/L
5	Nitrit (NO_2^-_N)	SMEWW 4500NO_2^- B:2017	0,005 mg/L
6	Nitrat (NO_3^-_N)	SMEWW 4500NO_3^-.E:2017	0,01 mg/L
7	Florua (F^-)	SMEWW 4500F^-.B&D:2017	0,07 mg/L
8	Sulfua	SMEWW 4500S^{2-}. B&D:2017	0,03 mg/L
9	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,016 mg/L
10	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500Cr.B:2017	0,003 mg/L
11	Tổng Photpho (tính theo P)	SMEWW 4500-P.B&D:2017	0,03mg/L
12	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520 B&F:2017	0,3 mg/L
13	Coliform	TCVN 6187-2:1996	3MPN/100mL

1.5. Nước mưa

1.5.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
2	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 100mS/cm

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước mưa	TCVN 5997:1995, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016

1.3.2. Phân tích môi trường (áp dụng cho nước biển ven bờ):

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Florua (F^-)	SMEWW 4500F^-.B&D:2017	0,07 mg/L
2	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	4,0 mg/L

3	Nitrit (NO_2^-_N)	SMEWW 4500NO_2^-.B:2017	0,005 mg/L
4	Nitrat (NO_3^-_N)	SMEWW 4500NO_3^-.E:2017	0,01 mg/L
5	Phosphat (PO_4^{3-}_P)	SMEWW 4500P.D:2017	0,03 mg/L
6	Sulfat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500SO_4^{2-}.E:2017	2,0 mg/L
7	Amoni (NH_4^+_N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/l
8	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	5,0 mg/L
9	Magie (Mg)	TCVN 6224:1996 + TCVN 6198:1996	5,0 mg/L

2. Khí

***2.1.* Không khí xung quanh**

2.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95 %
3	Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
4	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4 ÷ 40 m/s
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	30 ÷ 130dBA
6	Độ rung	TCVN 6963:2011	30 ÷ 130 dB

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
2	Chì bụi	TCVN 5067:1995
3	NO_2	TCVN 6137:2009
4	SO_2	TCVN 5971:1995
5	CO	HDCV.03
6	Clo (Cl_2)	MASA 202
7	Hydrosulfua (H_2S)	MASA 701
8	Amoniac (NH_3)	TCVN 5293:1995

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
9	Ozon (O_3)	MASA 411
10	VOC	NIOSH Method 1501
	Toluen	
	Xylen	
	Styren	
	Benzene	
11	Hydrocarbon (C_nH_m)	NIOSH Method 1500
	n-octane	
	Cyclohexan	
	n-heptane	

HDCV.03: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

2.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	10,0 µg/m^3
2	NO_2	TCVN 6137:2009	3,0 µg/m^3
3	SO_2	TCVN 5971:1995	10,0 µg/m^3
4	CO	HDCV.02	4.800 µg/m^3
5	Clo (Cl_2)	MASA 202	27,0 µg/m^3
6	Hydrosulfua (H_2S)	MASA 701	6,0 µg/m^3
7	Amoniac (NH_3)	TCVN 5293:1995	11,0 µg/m^3
8	Ozon (O_3)	MASA 411	3,0 µg/m^3

HDCV.02: Quy trình nội bộ phân tích trong phòng thí nghiệm

***2.2.* Khí thải**

2.2.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (đo tại hiện trường):

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1	O_2	HDCV.04	0 ÷ 21%

2	NO_x		
	NO	HDCV.04	*0 ÷ 4.920 mg/Nm³*
	NO_2	HDCV.04	*0 ÷ 940mg/Nm³*
3	SO_2	HDCV.04	0 ÷ 13.100 mg/Nm³
4	CO	HDCV.04	0 ÷ 11.400 mg/Nm³

HDCV.04: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo khí thải tại hiện trường

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu đất	TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu Trầm tích	TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

6. Chất thải

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu chất thải	TCVN 9466:2012

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/TLGroup V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group"	*Hòa Thuận, ngày 03 tháng 11 năm 2023*

Kính gửi: UBND huyện Châu Thành

Chúng tôi là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group là chủ cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc mục số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc dự án nhóm C *(cơ sở có vốn đầu tư 02 tỷ đồng thuộc nhóm công nghiệp khác thuộc điểm d Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công)* và căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group" thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Châu Thành *(cơ sở thuộc nhóm III thuộc số thứ tự 02 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group: số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Địa điểm thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group": số 140, ấp Đa Cần, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 2100682818 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2023, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 14/9/2023.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thanh Long Group: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phương, Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 02943. 844 544.

Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phương, – ĐT: 02943. 844 544

Chúng tôi xin gửi đến UBND huyện Châu Thành hồ sơ gồm:

- 03 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group".

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Groupp".

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND huyện Châu Thành xem xét cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch lót vỉa hè và ngói lợp nhà Thanh Long Group"./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2100682818 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THANH LONG GROUP H. CHÂU THÀNH - T. ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thị Mỹ Phương